

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 02 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Tư
Ông Nguyễn Minh Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia
phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về
“ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông A**, sinh năm 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà **B**, sinh năm 1969 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **C** (tên gọi khác D), sinh năm 1958
Địa chỉ: Số 247, ấp K, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà C: Bà H, sinh năm 1969; nơi đăng
ký hộ khẩu thường trú: Số 79 đường R, Phường S, thành phố T, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ
tạm trú: Số 56 ấp K, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

2. Bà **E**, sinh năm 1985 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 166 ấp K, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà **G**, sinh năm 1973 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp U, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà **H**, sinh năm 1969 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 79 đường R, Phường S, thành phố T, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ tạm trú: Số 56 ấp K, thị trấn Q, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông A và bà B tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông A và bà B chung sống hạnh phúc khoảng mười năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A và bà B bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông A và bà B thực tế đã sống ly thân khoảng một năm, không ai quan tâm đến ai. Ông A và bà B có 02 con chung gồm I, sinh năm 1991 và L, sinh năm 1995 đều đã trưởng thành. Ông A và bà B có tài sản chung là căn nhà tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nhưng không yêu cầu giải quyết.

Theo nguyên đơn ông A trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2018 và tại Tòa án: Hiện nay ông và bà B đã sống ly thân không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với bà B. Bị đơn bà B có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia nợ bà C 67.000.000 đồng, nợ bà G 10.000.000 đồng, nợ bà E 20.000.000 đồng, ông A cho rằng quá trình chung sống ông và bà B có thiếu nợ các chủ nợ và còn nợ, nhưng chỉ đồng ý thanh toán khoản nợ 20.000.000 đồng cho bà E, còn lại nợ bà C 67.000.000 đồng, nợ bà G 10.000.000 đồng, do trước đây ông yêu cầu bà B cùng nhau lo làm trả nợ nhưng bà B không cùng làm trả nợ, nên yêu cầu bà B tự thanh toán.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn bà B trình bày tại đơn yêu cầu phản tố và tại Tòa án: Bà đồng ý ly hôn với ông A; bà và ông A có thiếu nợ các chủ nợ, cụ thể còn nợ bà C 67.000.000 đồng, nợ bà G 10.000.000 đồng, nợ bà E 20.000.000 đồng, đây là nợ chung nên yêu cầu ông A cùng có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông A chỉ đồng ý thanh toán nợ 20.000.000 đồng cho bà E, nên số nợ còn lại gồm nợ bà C 67.000.000 đồng và nợ bà G 10.000.000 đồng, bà B rút lại một phần yêu cầu phản tố chia nợ, đồng ý tự thanh toán không yêu cầu ông A cùng trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C (D) và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà C là bà H trình bày: Vào năm 2010, bà C có cho bà B, ông A vay tiền nhiều lần. Đến ngày 30/12/2015, hai bên đối chiếu ông A, bà B còn nợ bà C số tiền 69.500.000 đồng. Sau đó bà B có trả cho bà C nhiều lần được 2.500.000 đồng và hiện nay còn nợ lại 67.000.000 đồng vốn. Ban đầu bà C yêu cầu bà B và ông A cùng trả nợ, tại phiên tòa bà C yêu cầu bà B thanh toán số tiền 67.000.000 đồng vốn, không yêu cầu tính lãi.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà E, trình bày: Vào năm 2013, bà B có nhờ bà chơi hụi, bà B đã hốt hụi nhưng không đóng hụi và bà đã đứng ra đóng hụi thay cho bà B 41.000.000 đồng. Đến năm 2014, bà B và ông A có thanh toán trả được 21.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 20.000.000 đồng, có làm biên nhận do ông A ký. Ban đầu bà E yêu cầu bà B và ông A cùng có trách nhiệm thanh toán 20.000.000 đồng vốn, tại phiên tòa bà E yêu cầu ông A thanh toán số tiền 20.000.000 đồng vốn, không yêu cầu tính lãi.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, trình bày: Bà B và ông A có tham gia chơi hụi do bà làm chủ và có hỏi vay tiền. Đến năm 2013, có chốt lại số tiền còn nợ là 58.500.000 đồng. Sau đó, bà B, ông A có thanh toán dần và hiện nay còn nợ 10.000.000 đồng. Ban đầu bà G yêu cầu bà B và ông A cùng có trách nhiệm thanh toán 10.000.000 đồng vốn, tại phiên tòa bà G yêu cầu bà B thanh toán số tiền 10.000.000 đồng vốn, không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày: Ban đầu cho rằng năm 2010, bà cho bà B, ông A vay tiền nhiều lần. Đến ngày 30/12/2015, hai bên đối chiếu còn nợ bà 69.500.000 đồng, bà B có trả nhiều lần được 2.500.000 đồng và hiện còn nợ lại 67.000.000 đồng vốn. Tại phiên tòa bà H xác định khoản nợ trên là nợ của bà C và bà C ủy quyền cho bà đại diện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông A và bà B là vợ chồng; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B, chấp nhận yêu cầu của bà B rút lại một phần yêu cầu phản tố, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phản tố về chia nợ đối với khoản nợ của bà C và bà G. Ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự ông A thanh toán nợ 20.000.000 đồng cho bà E; bà B thanh toán nợ bà C 67.000.000 đồng và nợ bà G 10.000.000 đồng; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/6/2018 ông A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với bà B. Khi khởi kiện bà B cư trú tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Năm 1991 ông A và bà B tự nguyện chung sống, nhưng không đăng ký kết hôn nên không công nhận ông A và bà B là vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông A và bà B có 02 con chung tên: I, sinh năm 1991 và L, sinh năm 1995, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông A và bà B không yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Bà B có yêu cầu phản tố yêu cầu chia đôi các khoản nợ chung, cụ thể nợ bà C 67.000.000 đồng, nợ bà E 10.000.000 đồng, nợ bà G 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà B rút lại một phần yêu cầu phản tố chia nợ đối với khoản nợ của bà C và bà G. Xét thấy, yêu cầu rút một phần yêu cầu phản tố nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận và đình chỉ

giải quyết một phần yêu cầu phản tố của bà B về chia nợ đối với khoản nợ của bà C và bà G.

Ông A, bà B và các chủ nợ bà C, bà E, bà G thống nhất đồng ý: Ông A thanh toán nợ 20.000.000 đồng cho bà G; bà B thanh toán nợ bà C 67.000.000 đồng và nợ bà E 10.000.000 đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự.

[5] Về án phí, ông A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán, đã dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0009417 ngày 21/6/2018, còn phải nộp 1.000.000 đồng. Bà B phải chịu 3.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán, đã dự nộp 1.212.500 đồng tại Biên lai thu số 0009458 ngày 16/7/2018, còn phải nộp tiếp 2.637.500 đồng.

[6] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 16 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 26; điểm a, b, c khoản 5, điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông A và bà B là vợ chồng.
2. Về con chung: I, sinh năm 1991 và L, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Ông A và bà B không yêu cầu nên không giải quyết.
4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B đối với ông A về việc yêu cầu chia nợ chung khi ly hôn; chấp nhận yêu cầu của bà B rút lại một phần yêu cầu phản tố chia nợ đối với khoản nợ của bà C (D) và bà E; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phản tố của bà B về chia nợ đối với khoản nợ của bà C (D) và bà G.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông A, bà B và các chủ nợ, bà C, bà E, bà G về việc thống nhất: Ông A thanh toán nợ 20.000.000 đồng cho bà G; bà B thanh toán nợ bà C 67.000.000 đồng và nợ bà E 10.000.000 đồng.

Buộc ông A có trách nhiệm thanh toán cho bà G số tiền 20.000.000 đồng, (hai mươi triệu đồng); buộc bà B thanh toán cho bà C, (D) số tiền 67.000.000 đồng, (sáu mươi bảy triệu đồng) và thanh toán cho bà G số tiền 10.000.000 đồng, (mười triệu đồng).

5. Về án phí: Ông A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đã dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0009417 ngày 21/6/2018, còn phải nộp 1.000.000 đồng, (một triệu đồng); bà B phải nộp 3.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đã dự nộp 1.212.500 đồng tại Biên lai thu số 0009458 ngày 16/7/2018, còn phải nộp tiếp 2.637.500 đồng, (hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện P, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thu Hương